TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2026/DS-ST
Ngày: 14-4-2026
"V/v tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thuê tài sản và hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Ong Thị Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hùng

2. Ông Huỳnh Ngọc Trước

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lệ Huyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 276/2026/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026, về việc *"Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thuê tài sản và hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2026/QĐST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S (gọi tắt là S); Địa chỉ trụ sở chính: Số 128 Nguyễn D, phường T, tỉnh N. Người đại diện theo pháp luật: Ông K -Chức vụ: Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồ Minh N – là đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Công ty cổ phần S tham gia hoạt động tố tụng; Địa chỉ: Số 300, đường B, phường C, tỉnh Đ. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Số nhà 19A, Chu Văn A, tổ 63, khóm B, phường 2, thành phố C, tỉnh Đ (nay là phường C, tỉnh Đ). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty Cổ phần S và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 07/11/2024, ông Nguyễn Văn H và Chi nhánh Đ - Thành phố C, Công ty Cổ phần S có ký hợp đồng cho thuê tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục đăng ký quốc gia: Giaodichbaodam/botuphap: theo web:https://dktructuyen.moj.gov.vn/. Cụ thể: Tài sản thuê 01 xe mô tô hai bánh BKS 66PA-221.72, loại xe: SCOOPY màu trắng, số khung: MH1JM0411PK560159- số máy JM04E1560187. Giá thuê là 50.829.862 đồng, thời hạn thuê là 24 tháng (từ ngày 07/11/2024 - 07/11/2026), số tiền thuê mỗi

tháng là 2.117.910 đồng. Phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng: 4% (trong trường hợp không thanh toán đúng hạn), phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng là 8% trên giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Theo hợp đồng cho thuê xe đã ký thì Công ty đã tiến hành giao xe cho ông Nguyễn Văn H và ông H sẽ trả số tiền thuê xe trong vòng 24 tháng với số tiền thuê là 2.117.910 đồng mỗi tháng như đã thỏa thuận. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thuê, ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo hợp đồng cho Công ty từ ngày 07/12/2024, đến nay đã quá hạn hợp đồng hiện tại trễ 282 ngày. Ông H không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty. Tạm tính đến ngày 15/9/2025 ông H còn nợ Công ty Cổ phần S số tiền thuê xe chưa trả là 50.829.862 đồng. Nhân viên công ty nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà ông Hiền tại địa chỉ: Số nhà 19A, Chu Văn A, tổ 63, khóm B, Phường 2, thành phố C, tỉnh Đ nhưng đều không gặp, Công ty đã tạo nhiều điều kiện về thời gian để ông H trả tiền thuê và xe máy đã thuê cho Công ty nhưng ông H không thực hiện và có biểu hiện cố tình trốn tránh.

Nay Công ty Cổ phần S yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải thanh toán số tiền 55.743.415 đồng tính đến ngày 15/9/2025, bao gồm tiền thuê xe chưa trả là 50.829.862 đồng, phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 847.164 đồng, phí phạt vi phạm là 4.066.389 đồng. Ngoài ra ông H còn phải tiếp tục chịu tiền phí phát sinh theo hợp đồng cho thuê xe đã ký kể từ ngày 16/9/2025 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ và trả lại xe cho Công ty Cổ phần S.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Cổ phần S thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau: Sau khi kiểm tra thủ tục, Công ty Cổ phần S xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Công ty Cổ phần S yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả lại số tiền vay 18.900.000 đồng đã chuyển khoản vào ngày 07/11/2024 và yêu cầu tính lãi 0,83% từ ngày 08/11/2024 đến khi xét xử xong. Do hợp đồng mua bán xe (giấy bán xe ngày 07/11/2024), Hợp đồng cho thuê xe ngày 07/11/2024 giữa Công ty Cổ phần S và ông Nguyễn Văn H nhằm bảo đảm hợp đồng vay tài sản nên yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu các giao dịch nêu trên. Công ty Cổ phần S tự nguyện trả lại ông Nguyễn Văn H bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy của biển số 66PA-221.72, loại xe: SCOOPY màu trắng, số khung: MH1JM0411PK560159; Số máy JM04E1560187 ngày 26/8/2024 của Công an thành phố C, tỉnh Đ cấp cho ông Nguyễn Văn H sau khi ông Nguyễn Văn H thực hiện xong nghĩa vụ tiền vay cho Công ty Cổ phần S.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần S, anh Nguyễn Hồ Minh M trình bày:

Vào ngày 07/11/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn H có vay tiền tại Công ty Cổ phần S thông qua hình thức thực hiện hợp đồng mua bán và cho thuê xe. Do đó, cùng ngày 07/11/2024, Công ty Cổ phần S đã chuyển vào tài khoản của bị đơn ông Nguyễn Văn H số tiền vay 18.900.000 đồng và đồng thời đã thực hiện

Hợp đồng mua bán xe (Giấy bán xe) và Hợp đồng cho thuê xe đối với chiếc xe mô tô biển số 66PA-221.72 thuộc quyền sở hữu của bị đơn nhằm bảo đảm số tiền vay. Xe mô tô vẫn do bị đơn ông Nguyễn Văn H quản lý, sử dụng và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 66PA-221.72 (bản chính) bị đơn giao cho Công ty Cổ phần S quản lý.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền vay và lãi. Công ty Cổ phần S nhiều lần cử nhân viên đến nhà yêu cầu ông Hiền trả tiền nhưng ông Hiền không trả, không hợp tác, nhiều lần vắng nhà cố tình trốn tránh, Công ty Cổ phần S cam kết bị đơn vẫn còn sống và hiện đang sinh sống tại địa phương.

Nay Công ty Cổ phần S yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H trả số tiền vay và lãi tổng cộng là 21.530.880 đồng (hai mươi mốt triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng tám trăm tám mươi đồng). (Trong đó, số tiền vay 18.900.000 đồng, với lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 08/11/2024 đến ngày 14/4/2026 (522 ngày), với số tiền 2.540.160 đồng (có bảng kê tính lãi); yêu cầu vô hiệu hợp đồng mua bán xe (giấy bán xe ngày 07/11/2024) và Hợp đồng cho thuê xe ngày 07/11/2024 giữa Công ty Cổ phần S và ông Nguyễn Văn H; Công ty Cổ phần S sẽ trả lại ông H (bản chính) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy của biển số 66PA-221.72, loại xe: SCOOPY màu trắng, số khung: MH1JM0411PK560159- số máy JM04E1560187 ngày 26/8/2024 của Công an thành phố C, tỉnh Đ cấp cho ông Nguyễn Văn H sau khi ông Nguyễn Văn H thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền vay cho Công ty Cổ phần S.

Công ty Cổ phần S không yêu cầu cá nhân, cơ quan tổ chức nào cùng liên đới thanh toán số tiền vay và lãi với bị đơn, không cung cấp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng, không gửi văn bản ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện, nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cùng với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay và yêu cầu vô hiệu hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng thuê tài sản nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng thuê tài sản theo quy định tại Điều 430,

Điều 463, Điều 472 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu và căn cứ khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có Ngay khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H thanh toán số tiền thuê và các khoản phí tính đến ngày 15/9/2025 là số tiền 55.743.415 đồng. Quá trình giải quyết nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và xác định bản chất thực hiện các hợp đồng có liên quan nhằm che giấu hợp đồng vay tài sản. Do đó, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền vay và lãi theo quy định của pháp luật dân sự, với mức lãi suất 10%/năm thời gian tính lãi từ ngày tiếp theo của ngày vay là ngày 08/11/2024 đến ngày 14/4/2026 tổng cộng vay và lãi là 21.530.880 đồng.

Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn từ yêu cầu số tiền thuê và các khoản phí tổng cộng 55.743.415 đồng nay chỉ yêu cầu số tiền vay thực tế và lãi theo quy định tính đến ngày 14/4/2026 tổng cộng là 21.530.880 đồng không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, không bất lợi cho bị đơn.

[2.2] Công ty Cổ phần S và bị đơn ông Nguyễn Văn H tự nguyện thực hiện các giao dịch Hợp đồng mua bán xe (Giấy bán xe ngày 07/11/2024) và Hợp đồng cho thuê xe ngày 07/11/2024 đối với chiếc xe mô tô biển số 66PA-221.72 thuộc quyền sở hữu của bị đơn mục đích che giấu giao dịch thực tế là hợp đồng vay tài sản và có tính lãi. Cùng ngày Công ty Cổ phần S đã chuyển số tiền vay 18.900.000 đồng cho ông Nguyễn Văn H (kèm phiếu chuyển) và ông Nguyễn Văn H giao Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 66PA-221.72 (bản chính) cho Công ty Cổ phần S quản lý.

Như vậy, vào ngày 07/11/2024 giữa nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đồng thời 03 giao dịch: Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng thuê tài sản.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đã xác định hợp đồng thuê tài sản, hợp đồng mua bán tài sản nêu trên là hợp đồng giả tạo nhằm che giấu để thực hiện hợp đồng vay tài sản, thông qua hình thức trả tiền thuê xe hàng tháng để thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay và lãi. Tuy nhiên, từ khi vay bị đơn chưa lần nào trả số tiền vay và lãi cho nguyên đơn.

[2.4] Đối với bị đơn quá trình giải quyết vụ án không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp để xem xét giải quyết vụ án.

[2.5] Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 124 Bộ luật Dân sự:

“1. Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che giấu một giao dịch dân sự khác thì giao dịch dân sự giả tạo vô hiệu, còn giao dịch dân

sự bị che giấu vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp giao dịch đó cũng vô hiệu theo quy định của Bộ luật này hoặc luật khác có liên quan.”

[3] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[3.1] Hợp đồng mua bán xe (Giấy bán xe ngày 07/11/2024) và Hợp đồng cho thuê xe ngày 07/11/2024 là các giao dịch dân sự giả tạo nhằm che giấu giao dịch vay tài sản nên vô hiệu.

[3.2] Ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S số tiền vay và lãi là 21.530.880 đồng.

[3.3] Công ty Cổ phần S có trách nhiệm trả lại ông H (bản chính) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy của biển số 66PA-221.72, loại xe: SCOOPY màu trắng, số khung: MH1JM0411PK560159- số máy JM04E1560187 do Công an thành phố C, tỉnh Đ cấp cho ông Nguyễn Văn H ngày 26/8/2024.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 124, Điều 131, Điều 429, Điều 430, Điều 431, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ Luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S.

1.1 Hợp đồng mua bán xe (Giấy bán xe ngày 07/11/2024) giữa Công ty Cổ phần S và ông Nguyễn Văn H vô hiệu.

1.2 Hợp đồng cho thuê xe ngày 07/11/2024 giữa Công ty Cổ phần S và ông Nguyễn Văn H vô hiệu.

1.3 Buộc ông Nguyễn Văn H trả cho Công ty Cổ phần S tổng số tiền vay và lãi là 21.530.880 đồng (hai mươi mốt triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng tám trăm tám mươi đồng).

1.4 Công ty Cổ phần S có trách nhiệm trả lại ông Nguyễn Văn H (bản chính) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số đăng ký 66PA-221.72$^{(T)}$; số loại: SCOOPY; màu sơn: Trắng, xám; số khung: MH1JM0411PK560159; Số máy: JM04E1560187 do Công an thành phố C, tỉnh Đ cấp cho Nguyễn Văn Hiền, ngày 26/8/2024.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.076.544 đồng.

Công ty Cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.394.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000989 ngày 15/01/2026 của Cục Thi hành tỉnh Đ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND KV6-ĐT;
- Thi hành án dân sự Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ong Thị Ngọc Tâm